TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số:34/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2020
V/v: không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Nhân.
2. Ông Lê Dũng Tấn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Minh – kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020, về việc *không công nhận là vợ chồng*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/8/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST – HNGĐ ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê thị C, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn L M, xã Th G, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Mai Văn Ch, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn L M, xã Th G, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị C, vắng mặt anh Ch. Chị C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2020, bản tự khai ngày 22/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Mai Văn Ch chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, chị và anh Ch về chung sống với nhau và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Chị và anh Ch chung sống hạnh phúc với nhau được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh Ch không hợp nhau về tính tình cũng như quan điểm sống. Mặt khác anh Ch đi làm ăn về không đưa lương cho chị nuôi con, nhiều lần chị nói thì giữa chị và anh Ch lại xảy ra mâu thuẫn, cải vã đánh đập nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh Ch căng thẳng nên năm 2006 chị và anh Ch sống ly thân

nhau từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị C xác định không còn tình cảm gì với anh Ch, nên chị C đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Ch là vợ chồng.

Về con chung: Chị C khai chị và anh Ch có 02 con chung: Cháu là Mai Văn Đ, sinh ngày 21/01/1992 và cháu Mai Thị D, sinh ngày 20/11/1995. Hiện nay các cháu đã trưởng thành việc các cháu ở với ai là tùy các cháu, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự hợp lệ cho anh Mai Văn Ch, nhưng tất cả các lần triệu tập anh Ch đều không có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

Ngày 11/8/2020 Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa nhận được bản tự khai đề ngày 27/8/2020 ký tên Mai Văn Ch chuyển qua đường bưu điện. Trong bản tự khai anh Ch trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1991 anh và chị Lê Thị C không có đăng ký kết hôn với nhau nhưng được hai bên gia đình tổ chức đám cưới công khai. Sau khi cưới nhau năm 1992 chị C sinh con trai đầu lòng là cháu Mai Văn Đ, năm 1995 sinh con gái là cháu Mai Thị D. Khi con trai đầu lòng của anh và chị được 4 tuổi thì vợ chồng đi vào miền Nam làm ăn gửi con trai lại cho ông bà nội và mang theo con gái. Khi vào Nam hàng ngày anh Ch vẫn đi làm đưa tiền cho vợ con, một thời gian do chị C thấy người khác làm ăn được nhiều tiền hơn nên về so bì với anh Ch nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cải cọ nhau. Nhiều lần mẹ đẻ anh Ch ốm, anh yêu cầu chị C về nhà làm ăn để trông nom mẹ già và con nhỏ nhưng chị C không nghe, anh Ch nghe nói chị C không chung thủy nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và xảy ra xô xát nhau. Sau này anh Ch nghe đồn chị C đi theo người đàn ông Lê Văn Kiên. Nay anh Ch xét thấy việc chị C làm là sai trái nên anh Ch không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa vắng mặt chị C, chị C đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thự ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 14, Khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị C và anh Mai Văn Ch.

3. Về án phí: Chị Lê Thị C phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị C khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Mai Văn Ch, anh Ch có hộ khẩu và nơi cứ trú tại Thôn L M, xã Th G, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Lê Thị C đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, chị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Mai Văn Ch đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào điển b khoản 2 Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Ch, chị C.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị C và anh Mai Văn Ch chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng năm 1991, nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 26/8/2020 Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã xác minh tại UBND xã và việc này được Ch quyền địa phương nơi cư trú của chị C và anh Ch xác nhận chị Lê Thị C và anh Mai Văn Ch không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã. Mặc dù tại bản tự khai gửi Tòa án anh Ch có quan điểm không đồng ý ly hôn, nhưng theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì giữa chị C và anh Ch sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, thực tế giữa anh Ch và chị C không đăng ký kết hôn nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu không ly hôn của anh Ch. Quá trình giải quyết vụ án và trong đơn xin xét xử vắng mặt chị C có đơn đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa chị và anh Ch, cần áp dụng các quy định Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị C và anh Mai Văn Ch.

[3]. Về con chung: Chị C và anh Ch đều thừa nhận có 02 con chung là Cháu là Mai Văn Đạo, sinh ngày 21/01/1992 và cháu Mai Thị Dung, sinh ngày 20/11/1995, chị C đã xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Đạo, cháu Dung có ghi họ tên mẹ là chị Lê Thị C, bố là anh Mai Văn Ch; Như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu Đạo và cháu Dung là con chung của chị C và anh Ch. Song hiện nay các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng, chị C không yêu cầu giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[4]. Về tài sản và công nợ: Chị C không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 227; điê 228, điều 271; điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị C và anh Mai Văn Ch.

2. Về án phí: Chị Lê Thị C phải chịu tiền án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005767 ngày 22/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa (Chị C đã nộp đủ án phí).

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị C, anh Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạt